

MUA

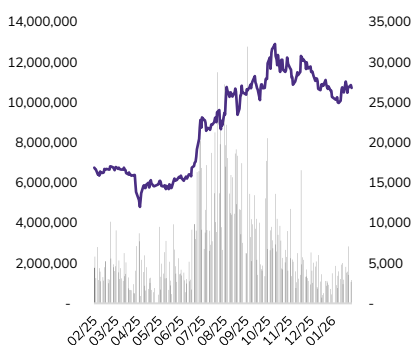
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thủy sản
Ngày báo cáo	: 28/01/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 27.050
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 33.500
Tỷ lệ tăng (%)	: +23,8%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 7.202
SLCPLH (CP)	: 266.255.750

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	22,5%	55,7%
Tăng trưởng LNST (%)	NA	4.156%
Biên LNG (%)	10,2%	20,1%
Biên LNST (%)	0,4%	11,9%
ROA (%)	1,0%	18,7%
ROE (%)	1,7%	31,6%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,62	0,47
EPS (VND/CP)	22	945
BVPS (VND/CP)	10.504	13.246

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Vươn mình bứt phá

- **KQKD Q4/2025 tăng trưởng mạnh mẽ.**
 - ✓ Doanh thu thuần của ANV trong Q4/2025 đạt mức kỷ lục 2.119 tỷ đồng (+55,7% svck) do sản lượng và giá bán đều tăng svck. Động lực tăng trưởng đến từ cả thị trường xuất khẩu và nội địa. Doanh thu thị trường xuất khẩu trong Q4/2025 đạt 1.602 tỷ đồng (+56,9% svck), doanh thu thị trường trong nước đạt 516,5 tỷ đồng (+52,2% svck).
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 425,4 tỷ đồng (+207% svck). Biên LNG tăng mạnh từ 10,2% trong Q4/2024 lên 20,1% trong Q4/2025 nhờ giá bán tăng trong khi giá vốn giảm nhờ các nguyên liệu đầu vào ở mức thấp hơn cùng kỳ.
 - ✓ Chi phí BH&QLDN ở mức 128,9 tỷ đồng (+11% svck) do chi phí dịch vụ mua ngoài tăng cao 93,5% svck, lên 32,9 tỷ đồng. Trong kỳ, ANV hoàn nhập dự phòng 5,5 tỷ đồng.
 - ✓ Doanh thu hoạt động tài chính đạt 18,1 tỷ đồng (+27,4% svck). Trong đó, lãi tiền gửi ngân hàng đạt 8 tỷ đồng (gấp 9 lần cùng kỳ); lãi bán hàng trả chậm đạt 4,1 tỷ đồng (gấp 4,3 lần cùng kỳ). Chi phí tài chính ở mức 20,3 tỷ đồng (-13,8% svck); chi phí lãi vay ở mức 18 tỷ đồng (-17,9% svck).
 - ✓ Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 251,6 tỷ đồng (+4.156% svck).
- **KQKD cả năm 2025 đạt mức cao nhất lịch sử**
 - ✓ Doanh thu thuần của ANV năm 2025 đạt 6.952 tỷ đồng (+41,5% svck), tăng trưởng phần lớn đến từ thị trường xuất khẩu. Doanh thu xuất khẩu năm 2025 đạt 5.197 tỷ đồng (+61,9% svck); doanh thu trong nước đạt 1.754 tỷ đồng (+3,1% svck).
 - ✓ Lợi nhuận gộp đạt 1.623 tỷ đồng (+189,6% svck). Biên LNG tăng mạnh 11,9 điểm %, lên 23,3%. Trong năm 2025, biên lợi nhuận gộp của ANV cải thiện mạnh nhờ (1) tăng tỷ trọng doanh thu cá tra tại thị trường Mỹ, vốn có giá bán tốt hơn thị trường chính Trung Quốc; (2) tăng doanh thu cá rô phi, đặc biệt tại thị trường Mỹ và Brazil; cá rô phi có biên LNG tốt hơn cá tra nhờ chi phí nuôi thấp hơn và giá FOB xuất khẩu tốt hơn cá tra đồng thời (3) giá nguyên liệu đầu vào TACN ở mức thấp svck.
 - ✓ Chi phí BH&QLDN ở mức 450,5 tỷ đồng (+23% svck). Chi phí bán hàng tăng chủ yếu do chi phí vận chuyển, chi phí hoa hồng và chi phí dịch vụ mua ngoài tăng theo doanh thu xuất khẩu, ở mức lần lượt 196,2 tỷ đồng (+20,1% svck), 71 tỷ đồng (+56,7% svck) và 87,5 tỷ đồng (+60,6% svck).

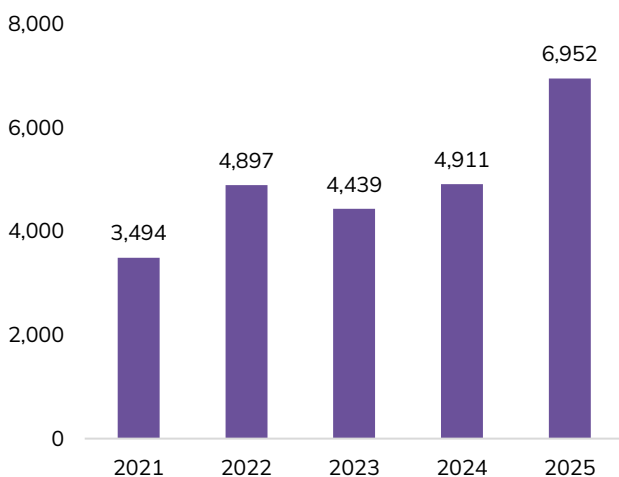
KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA ANV Q4/2025 & NĂM 2025

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	1.361	2.119	55,7%	4.911	6.952	41,5%
Lợi nhuận gộp	138,6	425,4	206,8%	560,4	1.623	189,6%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>10,2%</i>	<i>20,1%</i>		<i>11,4%</i>	<i>23,3%</i>	
Chi phí BH & QLDN	-116,2	-128,9	11,0%	-366,1	-450,5	23,0%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	<i>8,5%</i>	<i>6,1%</i>		<i>7,5%</i>	<i>6,5%</i>	
Doanh thu tài chính	14,2	18,1	27,4%	32,6	50,4	54,4%
Chi phí tài chính	-23,6	-20,3	-13,8%	-103,5	-73,6	-28,9%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>-21,9</i>	<i>-18,0</i>	<i>-17,9%</i>	<i>-91,3</i>	<i>-68,1</i>	<i>-25,4%</i>
Lãi lỗ tài chính	-9,3	-2,2	-76,4%	-70,9	-23,3	-67,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	11,1	295,2	2.552%	119,3	1.150	864,0%
Lãi lỗ khác	2,7	-0,3	-112,8%	15,2	6,2	-59,4%
Lợi nhuận trước thuế	13,8	294,9	2.039%	78,5	1.152	1.368%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	5,9	251,6	4.156%	47,8	999,5	1.990%
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	<i>0,4%</i>	<i>11,9%</i>		<i>1,0%</i>	<i>14,4%</i>	

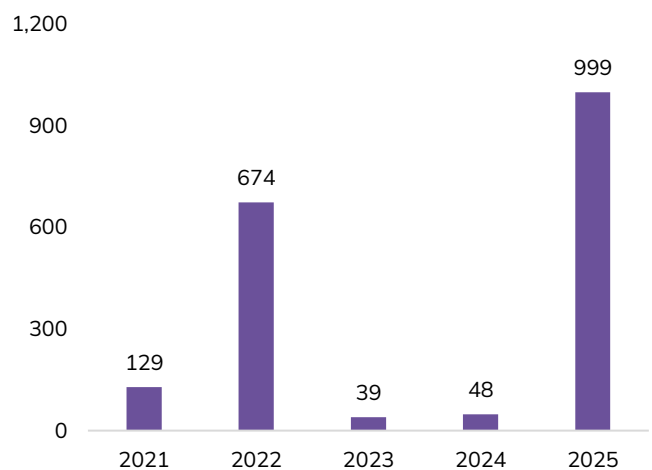
Nguồn: ANV, ABS Research

- ✓ Lỗ hoạt động tài chính giảm mạnh nhờ doanh thu tài chính tăng và chi phí tài chính giảm svck. Năm 2025, lỗ hoạt động tài chính ghi nhận 23,3 tỷ đồng (-67,2% svck). Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính ở mức 50,4 tỷ đồng (+54,4% svck). Lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm và doanh thu hoạt động tài chính khác tăng mạnh, ghi nhận lần lượt 12,6 tỷ đồng (+330% svck), 10,1 tỷ đồng (+244% svck) và 27,7 tỷ đồng (+68,5% svck) đóng góp vào sự tăng trưởng của doanh thu tài chính. Ở chiều ngược lại, chi phí tài chính ghi nhận 73,6 tỷ đồng (-28,9% svck) khi chi phí lãi vay giảm chỉ còn 68,1 tỷ đồng (-25,4% svck).
- ✓ Kết quả, LNTT của ANV năm 2025 ghi nhận 1.152 tỷ đồng (+1.368% svck); LNST cổ đông công ty mẹ ghi nhận 999,5 tỷ đồng, gấp gần 20 lần cùng kỳ. Với kết quả này, ANV đã vượt 130% kế hoạch LNTT đặt ra cho năm 2025 và đạt mức lợi nhuận cao nhất lịch sử của doanh nghiệp.

Doanh thu thuần của ANV 2021-2025 (tỷ đồng)



LNST cổ đông công ty mẹ của ANV 2021-2025 (tỷ đồng)

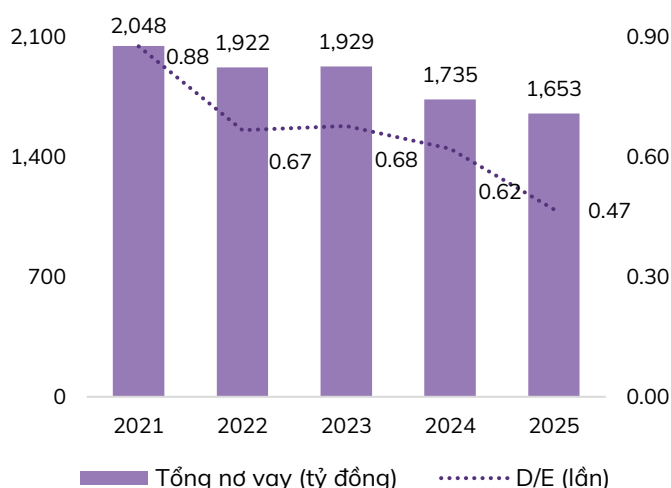


Nguồn: ANV, ABS Research

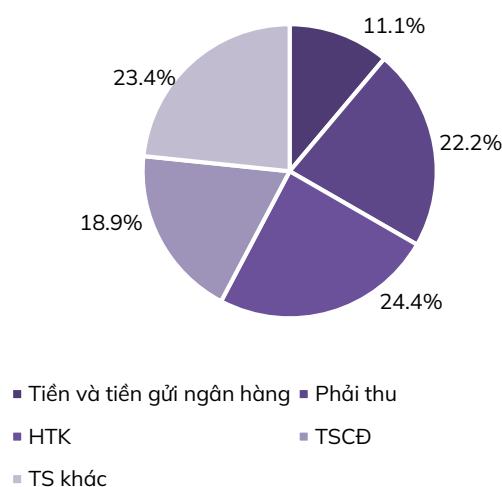
- **Tình hình tài chính cải thiện**

- ✓ **Tiền và tiền gửi ngắn hạn tăng mạnh.** Giá trị các khoản tiền và tiền gửi ngắn hạn ở mức 648 tỷ đồng (+135,6% sv đầu năm), chiếm 11,1% TTS. Tiền của ANV tăng nhờ KQKD khởi sắc trong năm 2025.
- ✓ **Các khoản phải thu tăng mạnh.** Các khoản phải thu cuối năm 2025 ở mức 1.293 tỷ đồng (+108,8% sv đầu năm). Trong đó, phải thu khách hàng ở mức 1.045 tỷ đồng (+101,8% sv đầu năm). Giá trị khoản phải thu khách hàng tăng mạnh lên 1.045 tỷ đồng, chủ yếu là phải thu khách nước ngoài với trị giá 938,4 tỷ đồng (+114,8 % sv đầu năm). Tuy nhiên, ANV hiện đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi 37 tỷ đồng (-17,1% sv đầu năm). Việc giảm trích lập dự phòng trong khi phải thu tăng mạnh sẽ tiềm ẩn rủi ro nếu khách hàng gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.
- ✓ **Hàng tồn kho giảm.** Giá trị hàng tồn kho cuối năm 2025 ở mức 1.438 tỷ đồng (-14,6% sv đầu năm). Trong đó chi phí sản phẩm dở dang giảm mạnh còn 233,1 tỷ đồng (-53,4% sv đầu năm), nguyên vật liệu tăng nhẹ 9,2% sv đầu năm, ở mức 663,6 tỷ đồng cho thấy HĐ sản xuất và bán hàng của ANV đang được đẩy mạnh.
- ✓ **Nợ vay giảm nhẹ.** Tổng nợ vay cuối năm 2025 ở mức 1.653 tỷ đồng (-4,7% sv đầu năm), chiếm 28,4% tổng nguồn vốn. Trong đó, chủ yếu là nợ vay ngắn hạn với trị giá 1.600 tỷ đồng (-1,5% sv đầu năm). Tỷ lệ D/E giảm từ 0,62 lần cuối năm 2024 xuống còn 0,47 lần cuối năm 2025, vẫn ở mức an toàn.
- ✓ **Dòng tiền từ HĐSXKD dương.** Dòng tiền từ HĐSXKD năm 2025 ở mức 902,3 tỷ đồng, dương lớn năm thứ 2 liên tiếp cho thấy ANV đang tạo được tiền từ HĐKD cốt lõi ổn định để phục vụ cho các hoạt động của doanh nghiệp.

Tổng nợ và tỷ lệ D/E của ANV



Cơ cấu tài sản của ANV cuối năm 2025



Nguồn: ANV, ABS Research

Triển vọng năm 2026

Chúng tôi đánh giá triển vọng của ANV trong thời gian tới sẽ tiếp tục khả quan nhờ mảng cá tra và cá rô phi đều có cơ hội tăng trưởng:

- ✓ Cá thịt trắng nuôi được dự báo sẽ tăng trưởng để bù đắp thiếu hụt do hạn ngạch đánh bắt cá minh thái và cá tuyết trong năm 2026 giảm. Hạn ngạch cá tuyết Đại Tây Dương năm 2026 dự kiến giảm 10% xuống còn 640.000 tấn; riêng vùng biển Barents ghi nhận mức giảm mạnh nhất, lên tới 22%. Nguồn cung cá minh thái cũng thắt chặt khi Mỹ cắt giảm 100.000 tấn hạn ngạch cá minh thái Alaska, còn 1,3 triệu tấn trong năm 2026. Diễn đàn Cá thịt trắng tại Tokyo tháng 10/2025 dự báo sản lượng cá tra Việt Nam có thể tăng thêm 40.000 tấn. Trong khi đó, FAO dự báo sản lượng cá rô phi toàn cầu năm 2026 có thể đạt 7,3 triệu tấn (+4,3% svck), đến năm 2030 có thể đạt 9 triệu tấn.

- ✓ Cá tra của Nam Việt có cơ hội cạnh tranh ngang hàng với Vĩnh Hoàn tại thị trường Mỹ khi cùng được hưởng mức thuế chống bán phá giá 0%. Nam Việt đã tăng trưởng được thị phần tại thị trường Mỹ trong năm 2025, chúng tôi cho rằng Nam Việt sẽ vẫn tiếp tục khai thác thị trường này để giảm phụ thuộc tại thị trường Trung Quốc, từ đó tiếp tục cải thiện biên lợi nhuận.
- ✓ Với khả năng tự chủ 100% thức ăn nuôi trồng và nguyên liệu cá tra, Nam Việt không bị phụ thuộc vào các biến động nguồn cung cá bên ngoài, đồng thời có khả năng kiểm soát quy trình và chất lượng cá, đáp ứng các tiêu chuẩn cũng như thủ tục cần thiết tại các thị trường khó tính như Mỹ và EU.
- ✓ Nam Việt có lợi thế dẫn đầu khi là doanh nghiệp đầu tiên xuất khẩu cá rô phi sang thị trường Brazil. Với việc có được đơn hàng 700 tấn cá rô phi nhờ hợp tác với tập đoàn JBS phân phối cá rô phi tại các siêu thị và chuỗi HORECA tại Brazil, chúng tôi cho rằng đây sẽ là bàn đạp để Nam Việt tiếp tục đưa sản phẩm cá rô phi của mình vào thị trường này nhờ lợi thế giá cạnh tranh. Nam Việt và công ty con sở hữu 100% vốn – công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương đều nằm trong top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá rô phi lớn nhất Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2025.
- ✓ Giá cước vận chuyển được dự báo giảm trong khi giá thức ăn thủy sản dự kiến ổn định do giá các nguyên liệu đầu vào được dự báo duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ sẽ có tác động tích cực tới KQKD của Nam Việt.
- ✓ KQKD 2025 của ANV đã diễn biến theo đúng dự phóng trước đó của chúng tôi tại báo cáo chiến lược 2026. Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự phóng doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ của ANV năm 2026F. Theo đó, doanh thu và LNST cổ đông công ty mẹ của ANV năm 2026F dự kiến đạt lần lượt 7.428 tỷ đồng (+6,8% svck) và 1.047 tỷ đồng (+4,7% svck). EPS và BVPS dự kiến đạt lần lượt 3.932 đồng/cp và 16.006 đồng/cp, tương ứng P/E và P/B đạt 6,9x và 1,7x tại mức giá giao dịch hiện tại. ROE dự kiến đạt 27%.
- ✓ Chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu của ANV ở mức 33.500 đ/cp (+23,8% so với giá hiện tại) và nâng khuyến nghị lên **MUA** do giá cổ phiếu đã chiết khấu về vùng hấp dẫn.

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA ANV

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	4.897	4.439	4.911	6.952
Giá vốn hàng bán	(3.561)	(3.992)	(4.351)	(5.329)
Lợi nhuận gộp	1.336	447	560	1.623
Doanh thu tài chính	80	32	33	50
Chi phí tài chính	(188)	(165)	(103)	(74)
Chi phí bán hàng	(378)	(188)	(280)	(379)
Chi phí QLDN	(94)	(76)	(86)	(72)
Lợi nhuận từ HĐKD	755	47	119	1.150
Lãi/lỗ khác	(2)	(2,3)	(56,0)	(3,8)
Lợi nhuận trước thuế	774	64	79	1.152
Lợi nhuận sau thuế	674	39	48	999
LNST cổ đông Công ty mẹ	674	39	48	999

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	266	(82)	728	902
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	57	416	(111)	(726)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(334)	(326)	(438)	(354)
LCT thuần trong kỳ	(11)	9	179	(178)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	43	31	40	219
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	31	40	219	46

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,35	1,40	1,33	1,56
Khả năng thanh toán nhanh	0,19	0,19	0,40	0,58
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,01	0,02	0,11	0,02
Khả năng thanh toán lãi vay	8,21	1,34	2,13	17,22
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,53	0,56	0,58	0,61
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,47	0,44	0,42	0,39
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,67	0,68	0,62	0,47
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	27,80	31,72	32,57	41,02
Số ngày phải trả	24,33	20,59	13,57	15,95
Số ngày tồn kho	211,43	215,15	169,76	106,90
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	27,3%	10,1%	11,4%	23,3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	15,4%	1,1%	2,4%	16,5%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	13,8%	0,9%	1,0%	14,4%
ROE	25,8%	1,4%	1,7%	31,6%
ROA	13,0%	0,7%	1,0%	18,7%
ROIC	16,5%	2,3%	2,6%	21,5%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	31	40	219	46
+ Đầu tư ngắn hạn	358	72	56	602
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	435	369	552	1.258
+ Hàng tồn kho	2.333	2.347	1.653	1.422
+ Tài sản ngắn hạn khác	98	123	105	149
Tài sản ngắn hạn	3.255	2.951	2.586	3.476
+ Các khoản phải thu dài hạn	23	33	67	34
+ Tài sản cố định	1.102	1.032	1.073	1.102
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	896	918	974	447
+ Đầu tư dài hạn	76	72	68	69
+ Tài sản dài hạn khác	115	108	94	696
Tài sản dài hạn	2.213	2.162	2.277	2.348

Tổng Tài sản	5.468	5.113	4.862	5.825
+ Vay ngắn hạn	1.769	1.784	1.624	1.600
+ Phải trả người bán	277	173	150	315
+ Nợ ngắn hạn khác	371	146	166	315
Nợ ngắn hạn	2.418	2.103	1.941	2.231
+ Vay dài hạn	153	145	111	53
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	15	17	14	14
Nợ dài hạn	168	162	125	67
Tổng nợ phải trả	2.585	2.265	2.066	2.298
+ Vốn cổ phần	1.275	1.335	2.667	2.667
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.613	1.519	136	866
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	2.882	2.848	2.797	3.527
Tổng cộng nguồn vốn	5.468	5.113	4.862	5.825

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	40,1%	-9,3%	10,6%	41,5%
Tăng trưởng LNNT	410,9%	-91,7%	21,7%	1367,6%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	423,3%	-94,2%	22,0%	1989,6%
Tăng trưởng EPS	423,3%	-94,4%	-38,9%	1989,6%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	4,7%	99,7%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	11,9%	-6,5%	-4,9%	19,8%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	5,61	62,35	149,41	7,18
P/B	1,31	0,86	2,56	2,03
EV/EBITDA	5,76	14,55	27,82	6,87
EV/Sales	1,16	0,98	1,76	1,26
EPS (đồng/cp)	5.283	293	179	3.748
BVPS (đồng/cp)	22.598	21.326	10.488	13.226

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây